

KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai đối với nhà trường
năm học 2021 - 2022

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, Trường THPT Nguyễn Thái Bình xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai đối với nhà trường năm học 2021 - 2022 như sau:

I- Mục tiêu thực hiện công khai:

- Nhằm nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ quản lý và tập thể giáo viên nhà trường ý thức trách nhiệm và tinh thần cộng đồng trong công tác.
- Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng tập thể có tình đoàn kết nội bộ tốt.
- Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.
- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mối đoàn kết trong nội bộ trong trường học.
- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung thực hiện ba công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội

ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo biểu mẫu số 9).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh xét tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2021-2022. (Theo biểu mẫu số 10).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:

Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định nhà trường:

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng cho học sinh , tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp. (Theo biểu mẫu số 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo,... (Theo biểu mẫu số 12).

3. Công khai thu chi tài chính

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập, Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. Hình thức và thời điểm công khai

a. Hình thức:

- Công khai trong thông báo tuyển sinh hàng năm của nhà trường.
- Công khai trên website của nhà trường:
- Niêm yết công khai tại nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp hội đồng sư phạm, hội nghị ban đại diện CMHS.

b- Thời điểm công khai:

Công khai vào đầu năm, hàng tháng, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

III. Thực hiện kiểm tra giám sát.

- Ban thanh tra nhân dân thường xuyên giám sát về việc tuyển dụng giáo viên, mua sắm, sửa chữa CSVC, chi chế độ cho CB - GV - NV, chế độ nâng lương và các khoản phụ cấp (nếu có).

- Ban thanh tra chuyên môn dưới sự chỉ đạo của BGH nhà trường kiểm tra chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh theo định kỳ, theo lịch kiểm tra định kỳ trong năm học.

IV. Tổ chức thực hiện

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại bảng thông báo của nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên website của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện 3 công khai, về chất lượng giáo dục điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2021 - 2022 của trường THPT Nguyễn Thái Bình.



HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Văn Phước

SỞ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	...
I	Điều kiện tuyển sinh	Xét tuyển	Kiểm tra	Kiểm tra	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình GDPT	Chương trình GDPT	Chương trình GDPT	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Hội nghị CMHS	Hội nghị CMHS	Hội nghị CMHS	
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Hoạt động ĐTN	Hoạt động ĐTN	Hoạt động ĐTN	
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	90% trở lên	90% trở lên	90% trở lên	
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	95%	95%	100%	

Dương Minh Châu, ngày 20 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Đoàn Văn Phước

SỞ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1,042	376	331	335
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	96.83%	95.48%	96.37%	98.81%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	2.78%	3.46%	3.63%	1.19%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.38%	1.06%	0.00%	0.00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
II	Số học sinh chia theo học lực	1,042	376	331	335
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	23.90%	24.20%	27.79%	19.70%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	54.32%	50.80%	48.34%	64.18%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	19.67%	21.54%	21.15%	16.12%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1.06%	1.86%	1.21%	0.00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	1.06%	1.60%	1.51%	0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1,042	376	331	335
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	97.89%	96.54%	97.28%	100.00%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	23.90%	24.20%	27.79%	19.70%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	54.32%	50.80%	48.34%	64.18%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	2.59%	3.99%	3.63%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2.11%	3.46%	2.72%	0.00%
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.67%	3.46%	1.81%	0.30%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%

	số)				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0.57%	0.78%	0.60%	0.29%
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	5	0	1	4
1	Cấp tỉnh/ thành phố	5	0	1	4
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	335	0	0	335
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	330	0	0	330
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	9.39%	0	0	9.39%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	29.70%	0	0	29.70%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	60.91%	0	0	60.91%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	168	0	0	168
VIII	Số học sinh nữ	575	193	208	174
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	9	0	3	6

Dương Minh Châu, ngày 20 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Đoàn Văn Phước

SỞ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	27	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	24	-
1	Phòng học kiên cố	24	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm	3	-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	4	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	40	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	1700	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	700	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	72	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	48	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp...		
1.2	Khối lớp...		

1.3	Khối lớp...		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	72	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	
2	Cát xét	7	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Thiết bị khác...		
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	0.19
2	Cát xét	7	0.26
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	0.04
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	0.19
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		x
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây		x

Dương Minh Châu, ngày 20 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Đoàn Văn Phước

SỞ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÁI BÌNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường
trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	60	0	7	48	1	0	2	24	32	0	50	6	0	0
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	54							24	30		48	6		
1	Toán	8		3	5				5	3		8	0	0	0
2	Lý	5		1	4				3	2		5	0	0	0
3	Hóa	4			4				3	1		4	0	0	0
4	Sinh	3		1	2				1	2		3	0	0	0
5	Ngữ văn	9			9				6	3		6	3	0	0
6	Lịch sử	3		1	2				1	2		2	1	0	0
7	Địa lý	3			2				2	1		3	0	0	0
8	GDCD	3			3				0	3		3	0	0	0
9	Tiếng Anh	6			6				3	3		5	1	0	0
10	Tin học	4		1	3				1	3		4	0	0	0
11	Công nghệ	2			2				2			1	1	0	0
12	GDTC	3			3					3		3	0	0	0
13	QPAN	1			1					1		1	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	2			2					2		2			
1	Hiệu trưởng	1			1					1		1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1		1	0	0	0
III	Nhân viên	4													
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1		1											
3	Thủ quỹ	0													

4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên thư viện	1				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	Nhân viên tạp vụ	1						1							
10	Bảo vệ	1						1							

Dương Minh Châu, ngày 20 tháng 10 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Đoàn Văn Phước